

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HN - ST

Ngày: 23 - 5 - 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Khen

2. Bà Huỳnh Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Em - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST - HN ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1994 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Kim L: Luật sư Lê Văn M – Văn phòng luật sư Ngọc Mẫn - thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Trí C, sinh năm 1993 (có mặt)

Cùng trú tại: Số 353B/26 ấp BH1, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Vào năm 2011 chị và anh Lê Văn Trí C sống chung với nhau đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long ngày 12/7/2017. Chị và anh C sống chung với gia đình bên anh C, do cha mẹ chồng và anh C khó tính, từ đó mọi sinh hoạt thường ngày trong gia đình chị không làm vừa lòng cha mẹ chồng nên có cãi vã với cha mẹ chồng, chị sống chung được 1 năm thì chị về nhà cha mẹ ruột sống 5 năm. Sau đó chị quay lại đoàn tụ, nhưng tính tình anh C vẫn tính toán tiền bạc sợ chị mang tiền về cho cha mẹ ruột, anh C đi làm không mang tiền về đưa cho chị mà đưa tiền cho mẹ chồng, chị đi làm tự lo chi phí sinh hoạt cá nhân và lo cho con, chị có cho mẹ ruột 500.000đ thì anh C và cha mẹ chồng không đồng ý, từ đó tình cảm vợ chồng không có cảm thông, thương yêu lẫn nhau. Tuy chị đã cố gắng chịu đựng từ từ hòa giải, nhưng anh C vẫn nghe lời cha mẹ ruột, không có thương yêu cảm thông cho chị nên đến tháng 11/2021 chị dẫn con ra ngoài sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh C có kêu chị về và hứa ra cất nhà ở riêng nhưng anh C chỉ hứa cho qua chuyện vì chị biết anh C rất có hiếu với cha mẹ.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Trí C

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng Bảo L, sinh ngày 07/7/2012 và Lê Hoàng Bảo Đ, sinh ngày 31/01/2020, hiện do chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu nuôi 02 con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Trí C trình bày:

Anh và chị L sống chung từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Phước vào năm 2017. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cha mẹ

anh khó tính, nhưng anh đã nhiều lần khuyên vợ anh hiếu thảo với cha mẹ, vì anh là con một nên anh không thể bênh vợ hay cha mẹ, anh thừa nhận đi làm không có đưa tiền cho vợ vì vợ chồng anh sống chung với cha mẹ, nên anh đưa tiền cho mẹ của anh để cha mẹ lo cho vợ chồng và con của anh, anh cũng rất khó xử giữa cha mẹ ruột và chị L nên anh có khuyên nhủ vợ thông cảm cho anh nhưng chị L không nghe, trong lúc chị L và cha mẹ cự cãi vào ngày 12/12/2021 thì chị L tự lấy lấy đồ đạc ra ngoài sinh sống, sau đó anh và cha của anh có kêu chị L về nhiều lần và có hứa cất nhà ra ở riêng nhưng chị L không về mà làm đơn yêu cầu ly hôn. Anh C không đồng ý ly hôn, yêu cầu cho vợ chồng đoàn tụ để lo cho con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng Bảo L, sinh ngày 07/7/2012 và Lê Hoàng Bảo Đ, sinh ngày 31/01/2020

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu L và đồng ý giao cháu Đ cho chị L nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Anh không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Phần tranh luận:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh C vì mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, anh C quá có hiếu, đã có vợ con nhưng anh C không lo cho gia đình riêng của mình, anh đi làm nhưng không đưa tiền bạc gì cho vợ, mà đưa hết cho cha mẹ ruột, từ đó làm cho chị L không tin tưởng anh C, anh C hứa sau khi đoàn tụ sẽ xây nhà riêng, và đi làm về đưa tiền cho vợ, nhưng đây chỉ là lời hứa của anh C, không có cơ sở nào khẳng định anh C sẽ thực hiện lời hứa.

Về nuôi con chung: cháu L có nguyện vọng được sống chung với chị L, cháu Đ hiện nay mới 26 tháng tuổi, từ khi chị L và anh C không sống chung với nhau thì 02 con do chị L nuôi dưỡng, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu L và cháu Đ cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 75 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy: Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh C đi làm về đưa hết tiền cho mẹ anh C, không đưa tiền cho chị L lo cho hai con, không phụ giúp chị L nuôi con để chị L một mình chăm sóc nuôi con, nhiều lần cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc. Chị L dọn ra ở trọ không còn sống chung với anh C từ tháng 12/2021 cho đến nay. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật HNGĐ năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình”*. Quan hệ hôn nhân của anh C và chị L cho thấy đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về nuôi con chung: Cháu Lê Hoàng Bảo L đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ; cháu Lê Hoàng Bảo Đ, sinh ngày 31/01/2020 hiện nay cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Vì vậy, chị L yêu cầu được nuôi 2 con là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên quan điểm của Viện kiểm sát:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 53, 56, 58, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Văn Trí C.

- Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Bảo L, sinh ngày 07/7/2012 và Lê Hoàng Bảo Đ, sinh ngày 31/01/2020 cho chị L nuôi dưỡng

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị L nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 39, do Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 12/7/2017 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Văn Trí C là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng sống chung nhưng không có sự tin tưởng lẫn nhau, anh C đi làm có thu nhập, nhưng không san sẻ trách nhiệm chi tiêu cho gia đình mà đưa hết thu nhập cho cha mẹ ruột, giữa cha mẹ ruột của anh lại có mâu thuẫn với chị L, sự việc kéo dài từ khi anh C và chị L kết hôn, từ đó gây ảnh hưởng đến tâm lý của chị L, anh C thừa nhận anh là con một trong nhà nên việc mâu thuẫn giữa chị L và cha mẹ anh làm anh rất khó xử. Tuy anh C hứa nếu chị L về đoàn tụ sẽ cất nhà ở riêng nhưng từ

tháng 12/2021 chị L dọn ra ngoài sống cho đến nay anh C cũng không theo chị L ra ngoài ở mà chỉ thỉnh thoảng đến thăm con rồi về, vì vậy không có khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn anh C

[3] Về nuôi con chung:

Xét thấy cháu Lê Hoàng Bảo L, sinh ngày 07/7/2012 và Lê Hoàng Bảo Đ, sinh ngày 31/01/2020. Cháu Đ hiện đang sống chung với chị L và anh C cũng đồng ý giao cháu Đ cho chị L nuôi dưỡng.

Đối với cháu Lê Hoàng Bảo L thì chị L và anh C đều có yêu cầu nuôi. Xét thấy, cháu L hiện nay do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị L và anh C không sống chung với nhau và cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị L, chị L cũng có việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung. Để đảm bảo sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần, đồng thời để đảm bảo quyền lợi của trẻ em sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử giao cháu L và giao cháu Đ cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[5] Nợ chung: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Văn Trí C.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Bảo L, sinh ngày 07/7/2012 và Lê Hoàng Bảo Đ, sinh ngày 31/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Kim L tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị L và anh C không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003562 ngày 25/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú